TÒA ÁN NHÂN DÂN **TP. PHAN RANG - THÁP CHÀM** TỈNH NINH THUẬN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 30 - 6 - 2021
V/v tranh chấp: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN RANG - THÁP CHÀM, TỈNH NINH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Hồng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Minh Trâm.

2. Bà Nguyễn Lê Anh Thư.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Cốc - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận tham gia phiên tòa: Bà Lê Nguyễn Tường Vy - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 145/2021/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2021 về tranh chấp: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị T - sinh năm 1992 *(Có mặt)*.

Địa chỉ cư trú: Số nhà 99/11/1/2 T, khu phố 5, phường M, thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

2. Bị đơn: Ông Lê Quang N - sinh năm 1989 *(Có đơn xin xét xử vắng mặt)*.

Địa chỉ cư trú: Số nhà 99/11/1/2 T, khu phố 5, phường M, thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 11 tháng 01 năm 2021 và trong quá trình tham gia tố tụng, Nguyên đơn là bà Trần Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Lê Quang N gặp gỡ nhau khi cùng làm công nhân tại Thành phố Hồ Chí Minh; tự nguyện tìm hiểu khoảng 01 năm thì tiến tới hôn nhân, chung sống với nhau từ năm 2011, có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện

K, tỉnh S ngày 06/4/2012. Bà và ông N làm thuê và sinh sống tại Thành phố Hồ Chí Minh một thời gian; sau đó thì chuyển về Ninh Thuận sinh sống. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc; đến đầu năm 2020 thì nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, không hòa hợp được các vấn đề trong đời sống chung dẫn đến thường xuyên cãi vã. Sau đó ông N tự bỏ nhà đi, bà điện thoại thì ông N nói bị bệnh phải đi chữa trị nhưng không cho bà biết địa chỉ chữa trị ở đâu nên bà không thể tới chăm sóc. Khi ông N chữa trị bệnh được một thời gian thì điện thoại về cho bà nói không về Ninh Thuận sống nữa. Do bà đã có việc làm ổn định tại Ninh Thuận (Là công nhân tại Công ty may T); con chung của bà với ông N cũng đang học tập tại Ninh Thuận nên bà không muốn thay đổi công việc và nơi học tập của con vì sợ sẽ ảnh hưởng đến con. Bởi vậy bà và ông N không bàn bạc với nhau về nơi cư trú của vợ chồng để gia đình đoàn tụ nên tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách. Bà và ông N đã ly thân hơn 01 năm nay, không quan tâm đến nhau, bỏ mặc nhau, mạnh ai nấy sống. Bà xác định không còn tình cảm với ông N nên khởi kiện yêu cầu ly hôn.

Về con chung: Bà và ông N có 01 con chung tên Lê Trần Thiên N - sinh ngày 24-02-2012; hiện cháu sống với bà. Khi ly hôn bà yêu cầu được nuôi con; không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con chung vì bà có việc làm ổn định, đủ thu nhập để nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà và ông N không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà Trần Thị T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình.

Bị đơn là ông Lê Quang N trình bày tại Bản tự khai ngày 02/4/2021:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Trần Thị T tự nguyện tìm hiểu một thời gian thì tiến tới hôn nhân, chung sống với nhau từ năm 2011, có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện K, tỉnh S ngày 06/4/2012. Khi chung sống với nhau ông và bà T làm thuê và sinh sống tại Thành phố Hồ Chí Minh; sau đó thì chuyển về Ninh Thuận sinh sống. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc; đến đầu năm 2020 thì nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, không hòa hợp được các vấn đề trong đời sống chung dẫn đến cãi vã. Sau đó ông phát hiện bị bệnh về phổi, phải chữa trị trong một thời gian dài. Do không muốn phiền tới bà T và con nên ông tự đi chữa trị. Từ đó tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách; ông và bà T ly thân hơn 01 năm nay. Bà T khởi kiện ly hôn thì ông đồng ý.

Về con chung: Ông và bà T có 01 con chung là Lê Trần Thiên N – sinh ngày 24/02/2012, hiện sống với bà T; khi ly hôn ông đồng ý giao con cho bà T nuôi dưỡng; ông không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông và bà T không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, cụ thể như sau:

Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án.

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng của đương sự: Nguyên đơn, Bị đơn đều chấp hành đúng quy định của pháp luật. Ông Lê Quang N có đơn đề nghị được xét xử vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Về quan điểm giải quyết nội dung vụ án: Tình trạng hôn nhân giữa bà T và ông N đã mâu thuẫn trầm trọng. Bà T khởi kiện yêu cầu xin ly hôn, được nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con và ông N đã đồng ý. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị T được ly hôn ông Lê Quang N; giao 01 con chung là Lê Trần Thiên N cho bà T chăm sóc nuôi dưỡng, ông N không phải cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Lời trình bày và kết quả tranh tụng của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết: Bà Trần Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, nuôi con chung với ông Lê Quang N có nơi cư trú tại: Số nhà 99/11/1/2 T, khu phố 5, phường M, thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"; thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang – Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

[1.2]. Về việc vắng mặt bị đơn: Trong "Đơn xin xét xử vắng mặt" ngày 18/6/2021, ông Lê Quang N xin được xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông N.

[2]. Nội dung vụ án:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị T và ông Lê Quang N chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện K, tỉnh S theo Giấy chứng nhận kết hôn số 48/2012, ngày 06/4/2012. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông N là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận.

[2.2]. Về tình trạng hôn nhân: Căn cứ lời trình bày của các đương sự xác định: Bà T và ông N chung sống hạnh phúc từ năm 2011 đến đầu năm 2020 xảy ra mâu thuẫn; nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, không hòa hợp được các vấn đề trong đời sống chung dẫn đến thường xuyên cãi vã, ông N bỏ đi nên vợ chồng đã ly thân hơn 01 năm nay; cả hai đều không muốn hàn gắn mâu thuẫn nên bà T khởi kiện yêu cầu ly hôn. Ông N có lời khai đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà T nhưng không tới Tòa án tham gia hòa giải. Xét thấy, cuộc sống hôn nhân giữa bà T và ông N đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm

2014; Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị T được ly hôn đối với ông Lê Quang N.

[2.3]. Về con chung: Bà T và ông N có 01 con chung là Lê Trần Thiên N – sinh ngày 24/02/2012, hiện do bà T nuôi dưỡng. Ông N thống nhất theo yêu cầu của bà T, giao cho bà T tiếp tục nuôi con là phù hợp với nguyện vọng của cháu N tại "Biên bản lấy lời khai của đương sự" ngày 09/4/2021 và phù hợp với quy định tại khoản 2 điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.4]. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Bà T không yêu cầu ông N thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về tài sản chung, nợ chung: Bà T và ông N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5]. Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; bà Trần Thị T phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị T.

1. Về hôn nhân: Bà Trần Thị T được ly hôn với ông Lê Quang N.

2. Về con chung: Giao cho bà Trần Thị T là người trực tiếp nuôi dưỡng 01 con chung là Lê Trần Thiên N – sinh ngày 24/02/2012.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Lê Quang N không phải cấp dưỡng nuôi con do bà Trần Thị T không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

4. Về án phí: Bà Trần Thị T phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0023382 ngày 15/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận. Bà Trần Thị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì Người được thi hành án dân sự, Người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7,7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai có mặt nguyên đơn, quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 30-6-2021). Bị đơn vắng mặt, quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ Bản án./.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND Tp. Phan Rang-Tháp Chàm;
- Chi cục THADS Tp. Phan Rang-Tháp Chàm;
- UBND xã N, huyện K, tỉnh S (Số 48/2012, quyển số 03/2012 ngày 06/4/2012);
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Vũ Thị Hồng